

CHƯƠNG TRÌNH GIẢI MÃ NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH KHOÁ 2020

06/2022



Nội dung

1

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



2

MỘT SỐ LƯU Ý Ở GIAI ĐOẠN CHUYÊN NGÀNH ▶▶

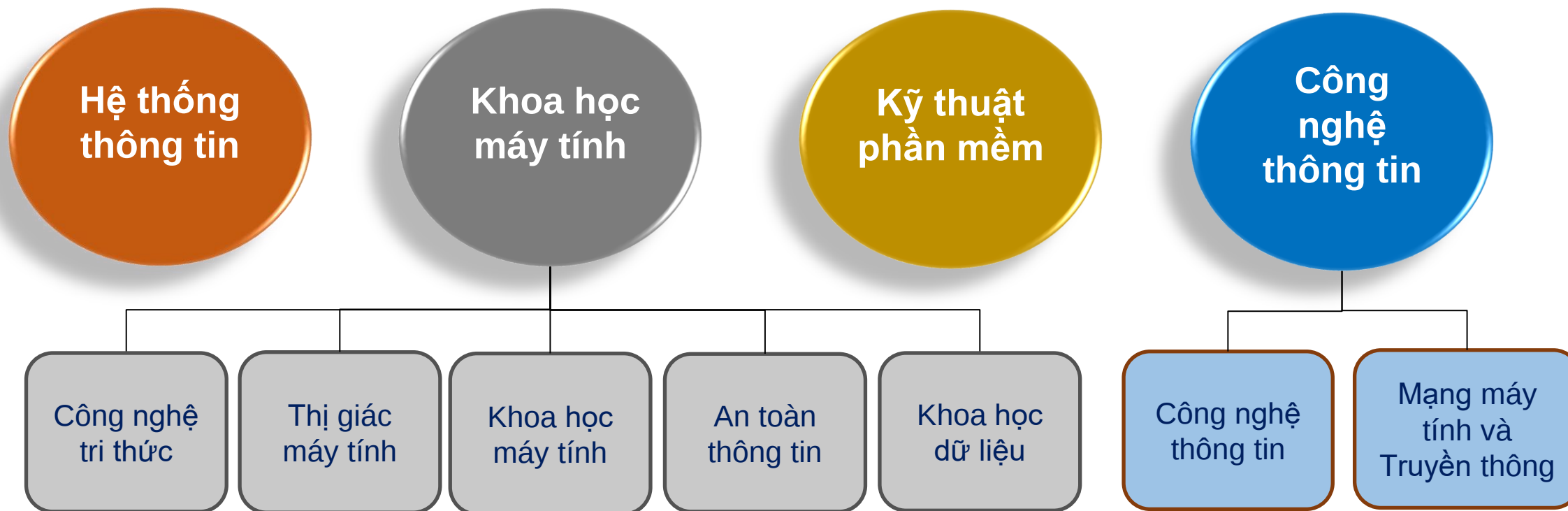
3

LIÊN HỆ



1. Chương trình đào tạo

1.1 Các ngành/chuyên ngành

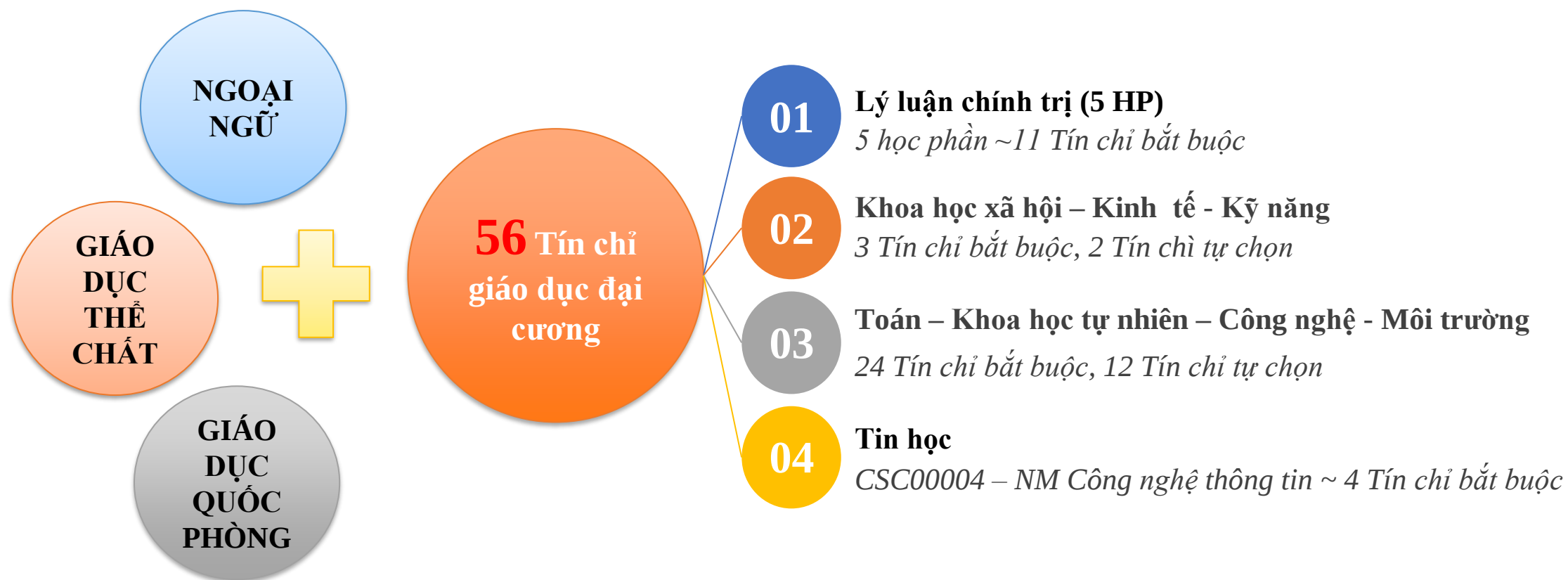


Sinh viên chọn **1** ngành/ chuyên ngành để tích lũy tín chỉ tốt nghiệp.

1.2 Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC		SỐ TC	GHI CHÚ
Giáo dục đại cương (không kể NN, GDTC và GDQP)		56	Chung cho nhóm ngành CNTT 42 TC bắt buộc, 14 TC tự chọn
Giáo dục chuyên nghiệp	Kiến thức cơ sở ngành	38	BB Chung cho nhóm ngành CNTT
	Kiến thức ngành/ chuyên ngành	≥ 24	Bắt buộc ngành (A) $\geq$ 16 TC Tự chọn ngành (B) $\geq$ 8 TC
	Tự chọn tự do	≥ 10	(C) $\geq$ 10 TC
Tốt nghiệp		10	Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp, Thực tập dự án tốt nghiệp và các học phần tự chọn trong danh sách học phần tốt nghiệp.
Tổng cộng		≥ 138	SV có thể tích lũy nhiều hơn 138TC

1.3 Kiến thức giáo dục đại cương



1.4 Kiến thức cơ sở ngành

Tích lũy 10HP ~ 38 Tín chỉ

HP CƠ SỞ NHÓM NGÀNH CNTT (bắt buộc)

CSC10001 – Nhập môn lập trình

CSC10002 – Kỹ thuật lập trình

CSC10003 – Phương pháp lập trình hướng đối tượng

CSC10004 – Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

CSC10006 – Cơ sở dữ liệu

CSC10007 – Hệ điều hành

CSC10008 – Mạng máy tính

CSC10009 – Hệ thống máy tính

CSC13002 – Nhập môn công nghệ phần mềm

CSC14003 – Cơ sở trí tuệ nhân tạo

1.5 Kiến thức ngành/chuyên ngành



(A)

Kiến thức **Bắt buộc** Ngành/ Chuyên ngành (**16** Tín chỉ)



(B)

Kiến thức **Tự chọn** Ngành/ Chuyên ngành (**8** Tín chỉ)



(C)

Kiến thức **Tự chọn** tự do (**10** Tín chỉ)

Cần tích lũy **(A)+(B)+(C) $\geq$ 34** tín chỉ

Không bắt buộc phải có (C) nếu (A)+(B) đã đủ.

1.6 Kiến thức tốt nghiệp

Tích lũy tối thiểu
10 Tín chỉ từ
danh sách các
**học phần tốt
nghiệp**

Khóa luận tốt nghiệp (**10** TC)

Thực tập tốt nghiệp (**10** TC)

Thực tập dự án tốt nghiệp (**6** TC)

Các học phần tự chọn khác trong **danh
sách học phần tốt nghiệp**

2. Một số lưu ý ở giai đoạn chuyên ngành

2.1 Chuẩn trình độ tiếng anh

Chuẩn trình độ tiếng Anh khi học các HP chuyên ngành, làm Khóa luận tốt nghiệp, Đồ án tốt nghiệp (hoặc các HP thay thế Khóa luận tốt nghiệp khác)



Quyết định số 534/QĐ-KHTN ngày 15/6/2020 và 1974/QĐ-KHTN, ngày 15/10/2018



Hoàn tất 4 HP Anh văn trong CTĐT



Chậm nhất là cuối HK thứ 6

Nếu sinh viên đã đạt chứng chỉ tiếng Anh **tương đương bậc 3/6** và **đã nộp** chứng chỉ cho trường thì không cần quan tâm điều kiện trên.

2.1 Chuẩn trình độ tiếng anh

**Chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 3/6
(Theo QĐ 1974/QĐ-KHTN, ngày 15/10/2018)**

1	Chứng chỉ VNU-EPT đạt 176 do ĐHQG-HCM cấp (hạn cuối nhận 30/6/2022)
2	Chứng chỉ IELTS 4.5 do British Council hoặc IDP Australia cấp
3	Chứng chỉ TOEFL (iBT) 45 do ETS cấp
4	Chứng chỉ TOEFL (ITP) 450 do ETS cấp
5	Chứng chỉ TOEFL (CBT) 133 do ETS cấp
6	TOEIC 4 kỹ năng: 450 Nghe - Đọc và 181 Nói - Viết do ETS cấp
7	Chứng chỉ PET - CEFR B1 do Cambridge cấp
8	Chứng chỉ BEC Preliminary do Cambridge Assessment cấp
9	Chứng chỉ BULATS 40 do Cambridge Assessment cấp

2.2 Hệ thống

Website Trường: <https://www.hcmus.edu.vn/>

- Các thông báo phòng đào tạo, khảo thí, công tác sinh viên...

Portal trường: <https://portal.hcmus.edu.vn/>

- Đăng ký học phần, khảo sát, xem điểm học phần...

Website Khoa CNTT: <https://www.fit.hcmus.edu.vn/>

- Thời khóa biểu, chương trình đào tạo, mẫu đơn, thông báo, thư viện, đăng ký đề tài tốt nghiệp, đăng ký hoạt động sinh viên, học bổng.....

Website môn học (Moodle): <https://courses.fit.hcmus.edu.vn/>

- Các trang lớp học trong học kỳ, tài liệu môn học, nộp bài tập, đồ án....

Hệ thống Q&A FIT: <https://courses.fit.hcmus.edu.vn/q2a/>

- Nơi đặt câu hỏi, nêu các thắc mắc, tìm kiếm thông tin qua các câu hỏi và trả lời trước đó...

2.3 Bộ phận quản lý

Giáo vụ

giaovu@fit.hcmus.edu.vn; Phòng I.53

Cố vấn học tập

cvht@fit.hcmus.edu.vn; Phòng I.53

Trợ lý sinh viên

tlsv@fit.hcmus.edu.vn; Phòng I.53

BP kỹ thuật

support@fit.hcmus.edu.vn; Phòng I.51

Phòng đào tạo

pdt_khtn@hcmus.edu.vn; Phòng B.02
(NVCừ), NĐH 2.4 (NĐH, Linh Trung)

**** Gửi email đến các bộ phận bằng email sinh viên**

2.4 Các bộ môn

Hệ thống thông tin

Phòng I.84

Công nghệ phần mềm

Phòng I.82

Khoa học máy tính

Phòng I.81

Mạng máy tính & Viễn thông

Phòng I.74

Thị giác máy tính

Phòng I.72

Công nghệ tri thức

Phòng I.63